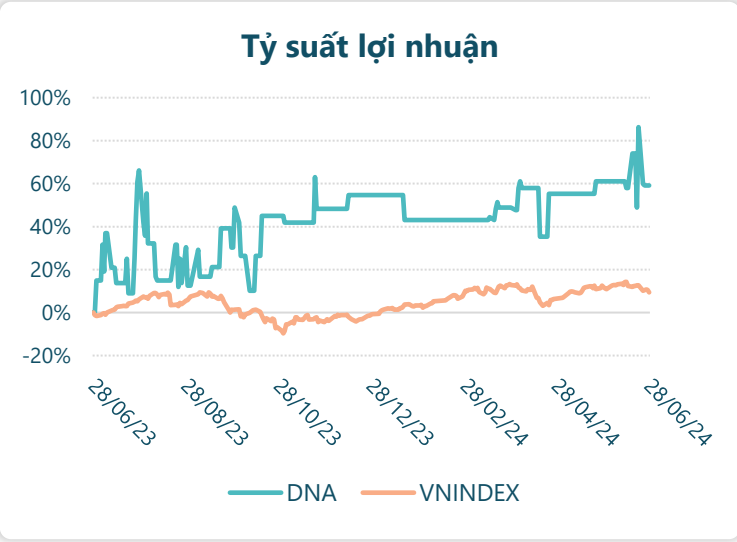


Ngày	24,700 VNĐ		
28/06/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-1.2%	6.9%	2.9%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	15,514 - 28,900
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,391
Số lượng CPLH (CP)	56,329,567
KLGD BQ 20 phiên (CP)	5,045
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.95
EPS	2,673
P/E	9.2



Doanh thu thuần
Q2/24

755

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 125 | 19.9%

YoY: ▲ 105 | 16.2%

Nợ/VCSH
Q2/24

104%

YoY: +/- ▲ 32.3%

LN gộp
Q2/24

141

tỷ VNĐ

QoQ: ▼1.00 | -0.8%

YoY: ▼1.00 | -0.8%

ROE (TTM)
Q2/24

18.3%

YoY: +/- ▼ 0.0%

LN trước thuế
Q2/24

45.7

tỷ VNĐ

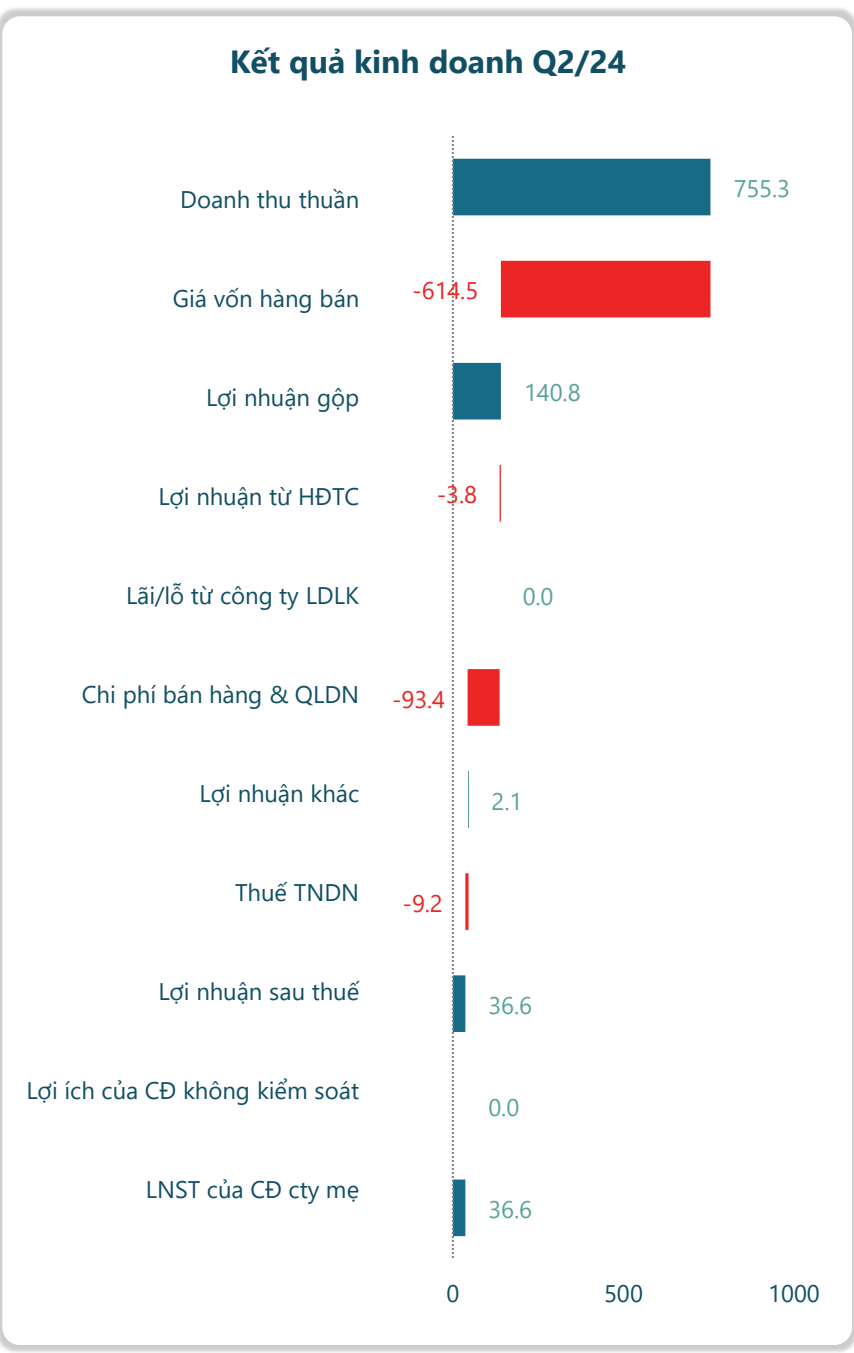
QoQ: ▼35.1 | -43.4%

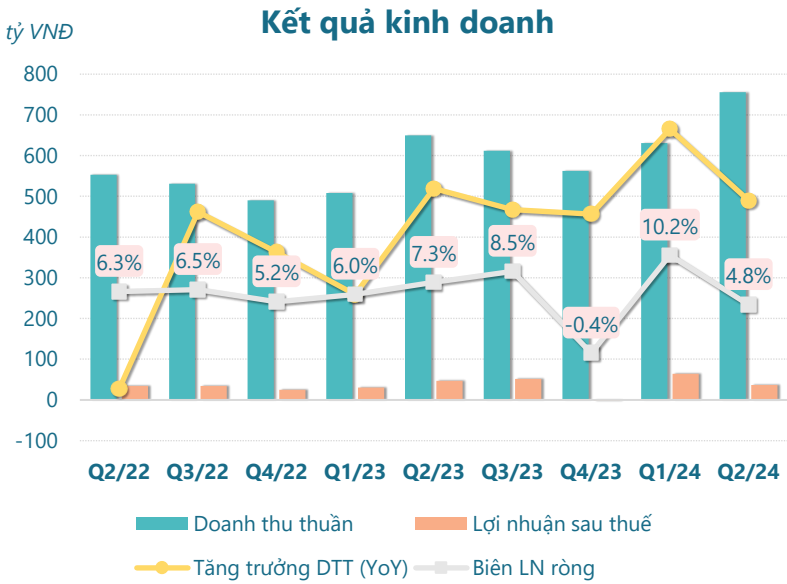
YoY: ▼13.4 | -22.6%

ROA (TTM)
Q2/24

9.3%

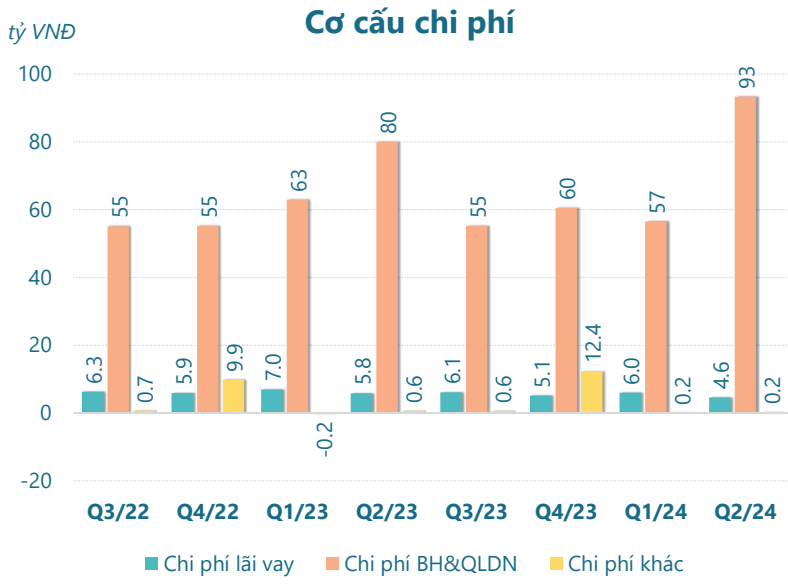
YoY: +/- ▼ 1.4%





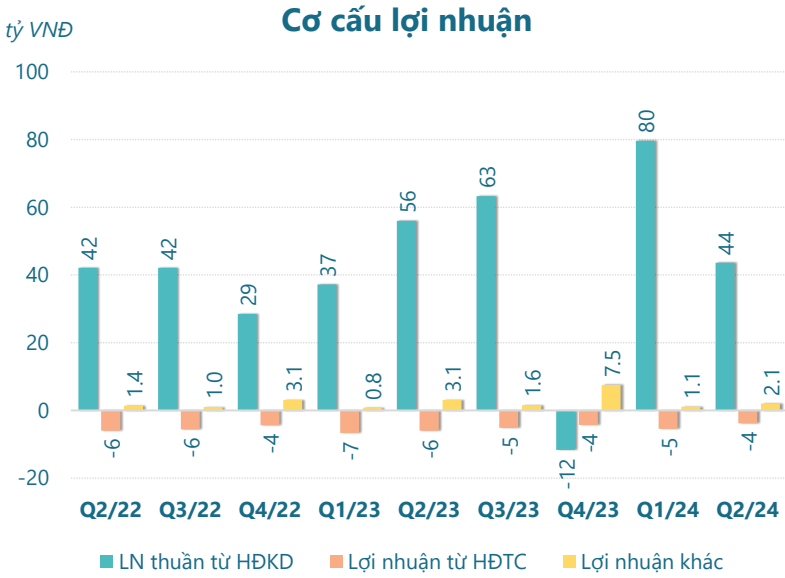
Tại quý II năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 43.64 tỷ đồng**, giảm đi 45.2% so với kỳ trước và thấp hơn 22.0% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lỗ 3.81 tỷ đồng** tăng thêm 1.57 tỷ đồng so với kỳ trước và tăng thêm 2.17 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lãi 2.08 tỷ đồng**, tăng thêm 85.7% so với kỳ trước và thấp hơn 33.5% so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh của **DNA** quý II năm 2024, doanh thu thuần đạt **755.4 tỷ đồng** tăng thêm **16.2%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 36.57 tỷ đồng**, **giảm sút 22.6%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **1,386 tỷ đồng** cao hơn 19.7% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 101.0 tỷ đồng** cao hơn 29.5% so với cùng kỳ năm trước.



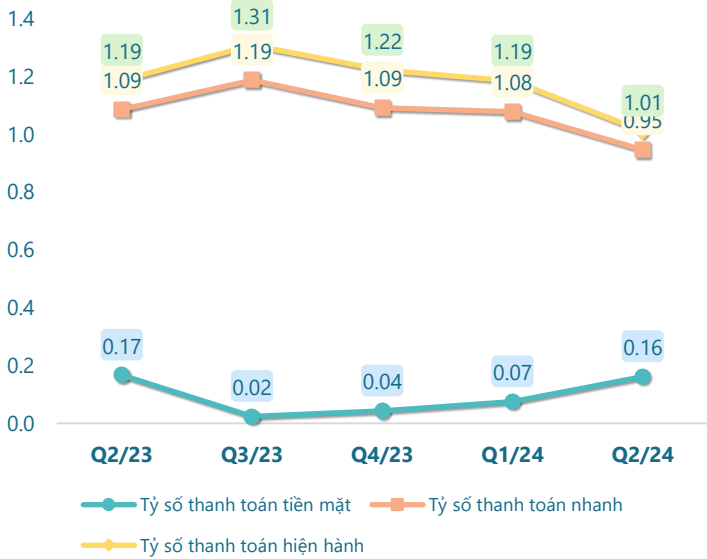
Tại quý II, chi phí lãi vay bằng **4.62 tỷ đồng** giảm đi 22.7% so với kỳ trước và thấp hơn 20.8% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **93.39 tỷ đồng** tăng thêm 65.3% so với kỳ trước và cao hơn 16.8% so với cùng kỳ năm trước.

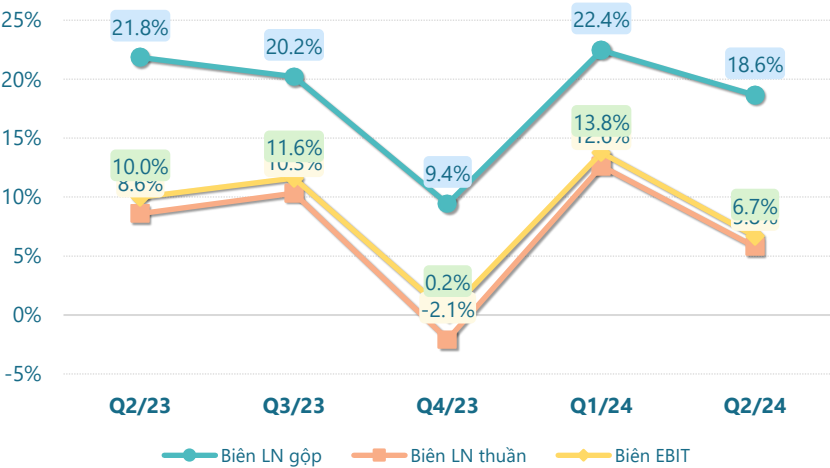
Chi phí khác bằng **0.24 tỷ đồng** tăng thêm 33.3% so với kỳ trước và thấp hơn 61.3% so với cùng kỳ năm trước.

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q1/24	Thay đổi QoQ	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	755	630	19.9%	650	16.2%	1,386	1,158	19.6%
Giá vốn hàng bán	615	489	25.7%	508	21.0%	1,103	910	21.3%
Lợi nhuận gộp	141	142	-0.8%	142	-0.8%	282	249	13.5%
Doanh thu HĐTC	0.82	0.60	36.1%	-0.15	644%	1.42	0.20	598%
Chi phí TC	4.62	5.98	-22.7%	5.83	-20.7%	10.6	12.8	-17.2%
Chi phí lãi vay	4.62	5.98	-22.7%	5.83	-20.7%	10.6	12.8	-17.2%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	60.7	39.6	53.3%	37.9	60.2%	100	75.2	33.4%
Chi phí QLDN	32.7	16.9	93.3%	42.1	-22.4%	49.5	67.7	-26.8%
LN thuần từ HĐKD	43.6	79.6	-45.2%	56.0	-22.1%	123	93.1	32.4%
Lợi nhuận khác	2.08	1.12	85.7%	3.13	-33.5%	3.20	3.94	-19.0%
LN trước thuế	45.7	80.8	-43.4%	59.1	-22.6%	126	97.1	30.3%
Lợi nhuận sau thuế	36.6	64.6	-43.4%	47.3	-22.7%	101	77.6	30.3%
LNST của CĐ cty mẹ	36.6	64.6	-43.4%	47.3	-22.7%	101	77.6	30.3%

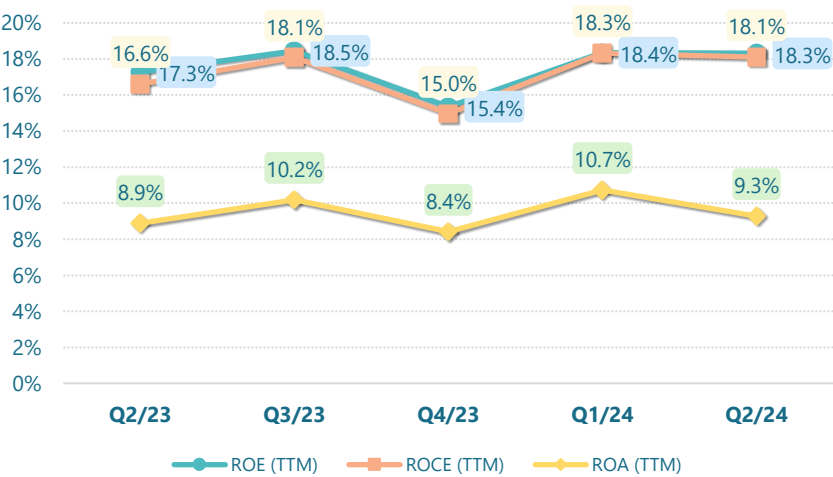
Chỉ số thanh khoản



Biên lợi nhuận



Tỷ suất sinh lợi



Vòng quay tài sản

